CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Xây dựng điện VNECO 4

Ngày 30/09/2025	259,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**0%**	**0%**

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	259,400 - 259,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	267
Số lượng CPLH (CP)	1,028,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	-
EPS	-1,042
P/E	-249.0

DT thuần
Q3/25
24.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 10.4| 73.4%
YoY: ▲ 14.1| 134%

LN thuần
Q3/25
-1.02
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.82| -412%
YoY: ▼1.10| -1380%

LN sau thuế
Q3/25
-1.01
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.04| -3480%
YoY: ▼1.12| -1022%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
-2.4%
YoY: +/-▼ 5.7%

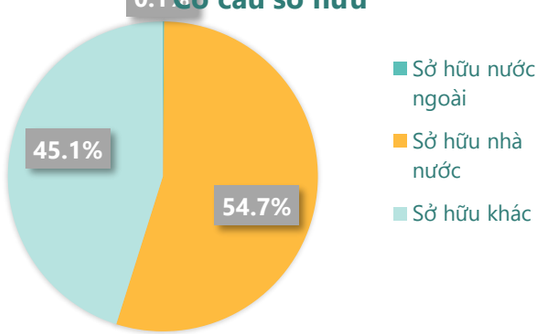
ROE (TTM)
Q3/25
-11.2%
YoY: +/-▼ 11.7%

DT thuần
9T 2025
45.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.80| -1.8%

LN thuần
9T 2025
-1.18
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.58| -395%

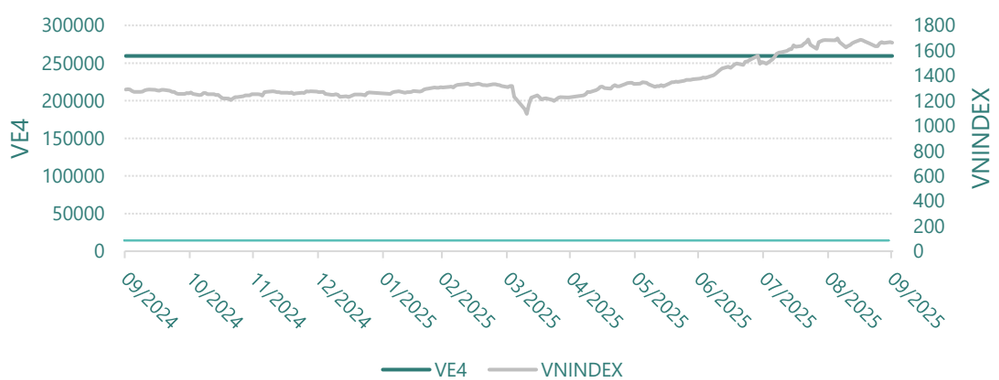
LN sau thuế
9T 2025
-0.93
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.57| -245%

Cơ cấu sở hữu

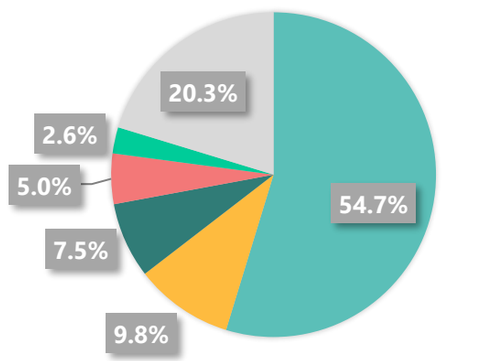


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

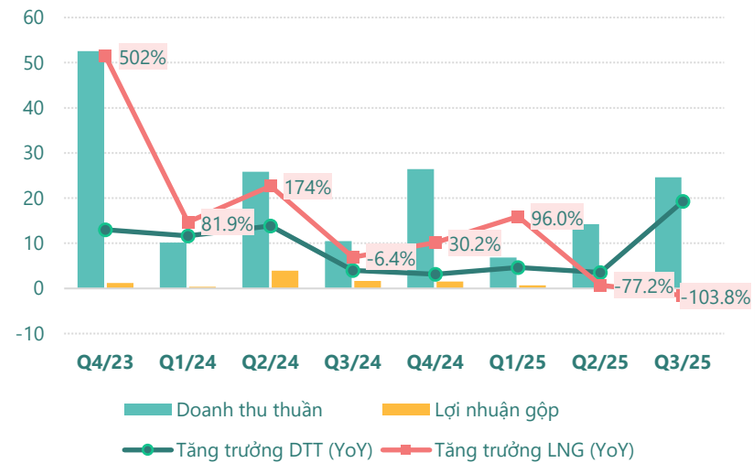


- Tổng CTCP Xây dựng điện Việt Nam
- CTCP Đầu tư SPX
- CTCP Vinaconex 39
- Đinh Mã Lương (Thành viên Ban kiểm soát)
- CTCP Quản lý vốn Đầu tư Việt Nhân
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

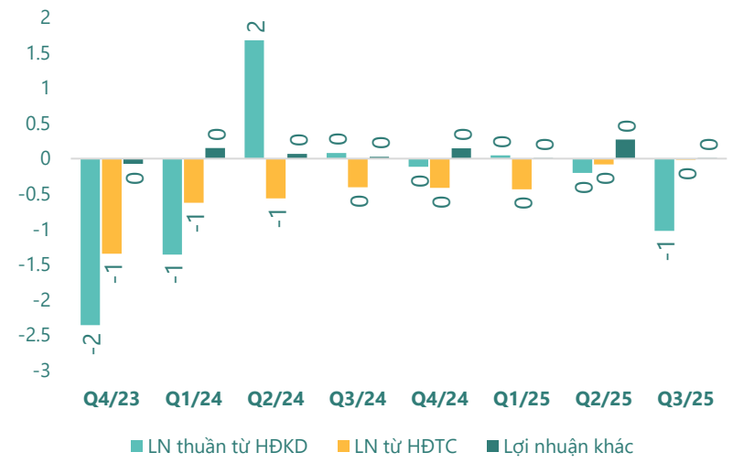
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



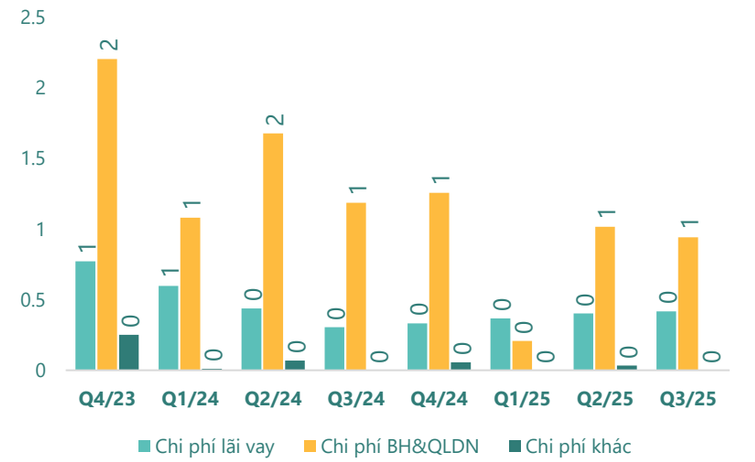
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



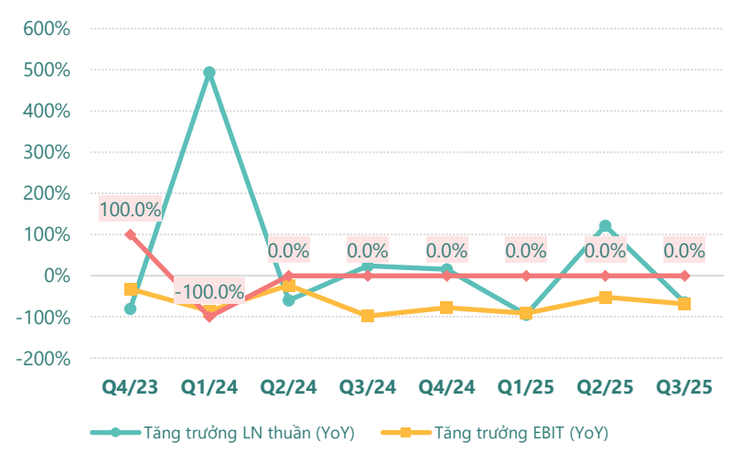
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



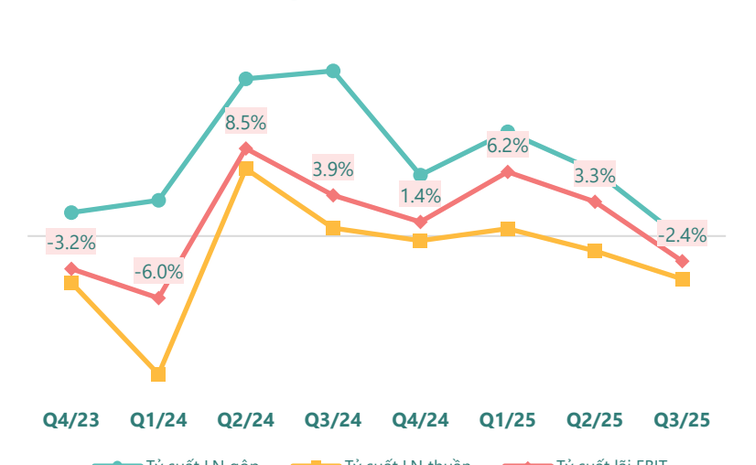
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



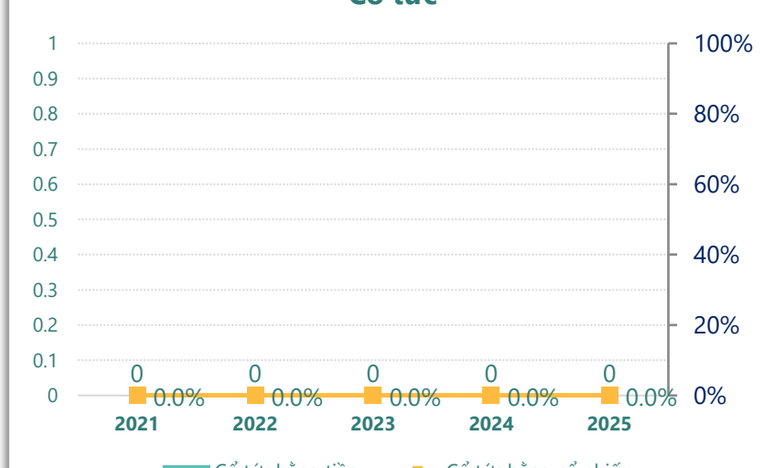
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

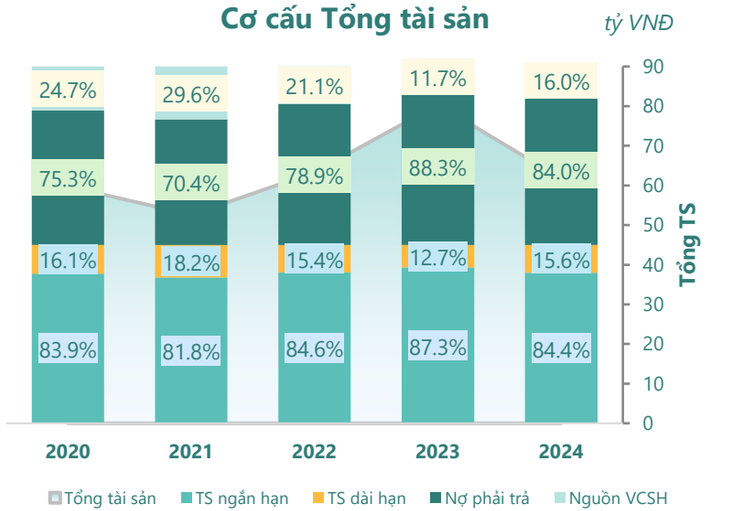
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

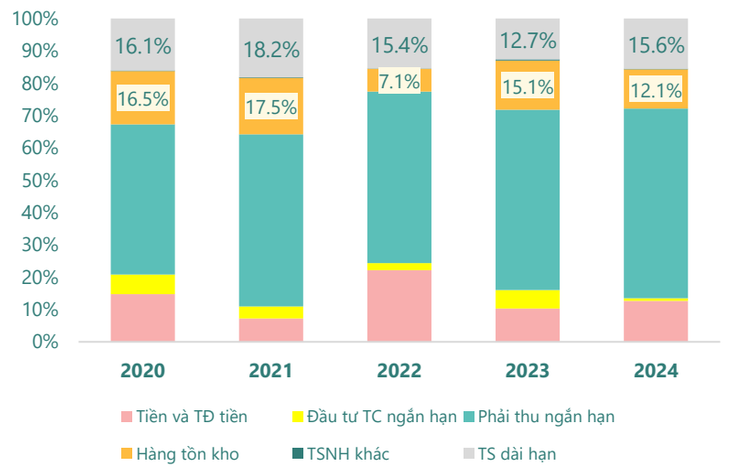
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



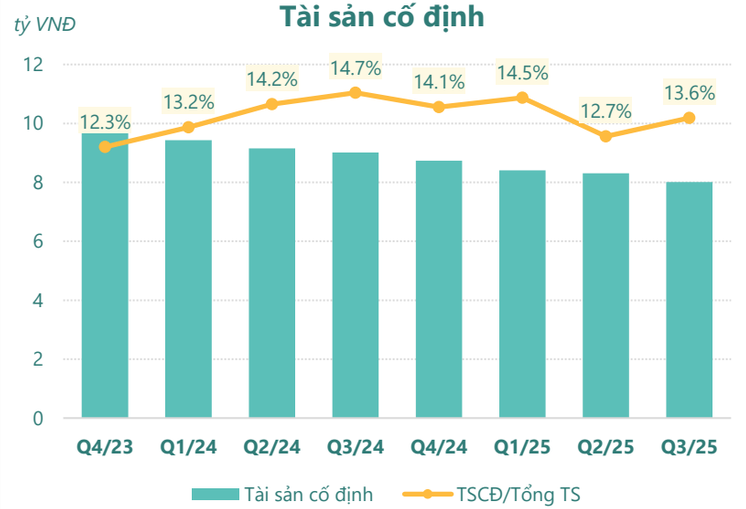
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



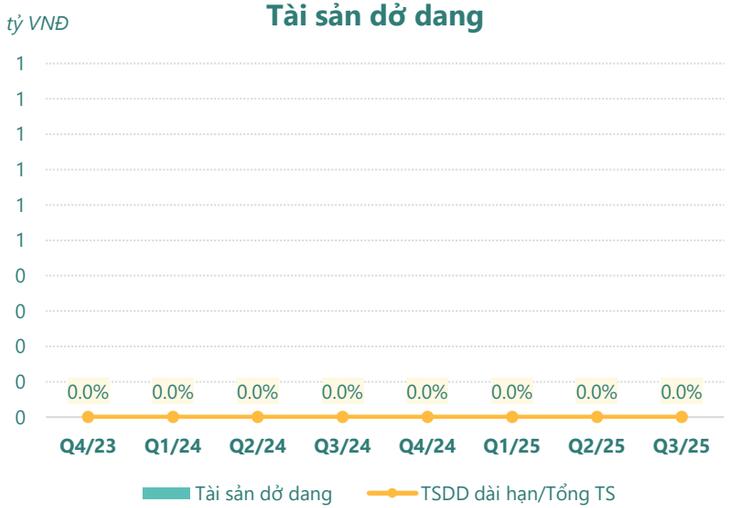
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



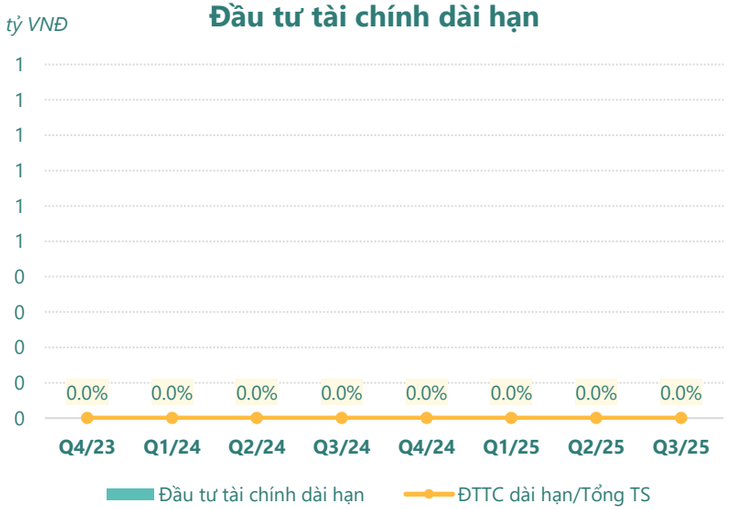
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



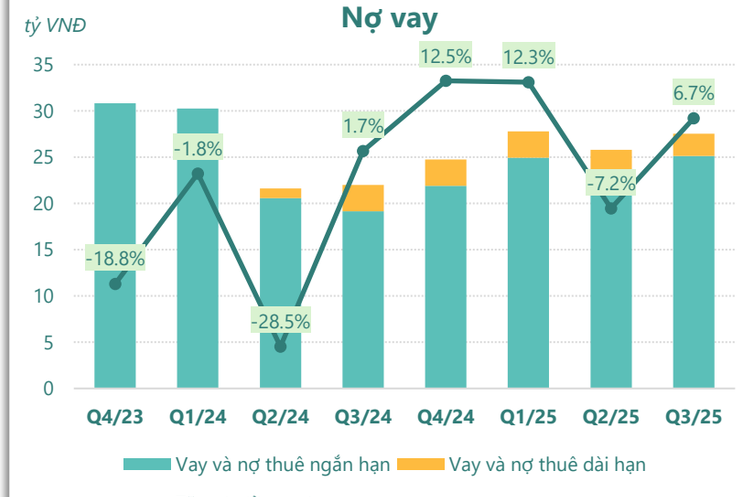
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

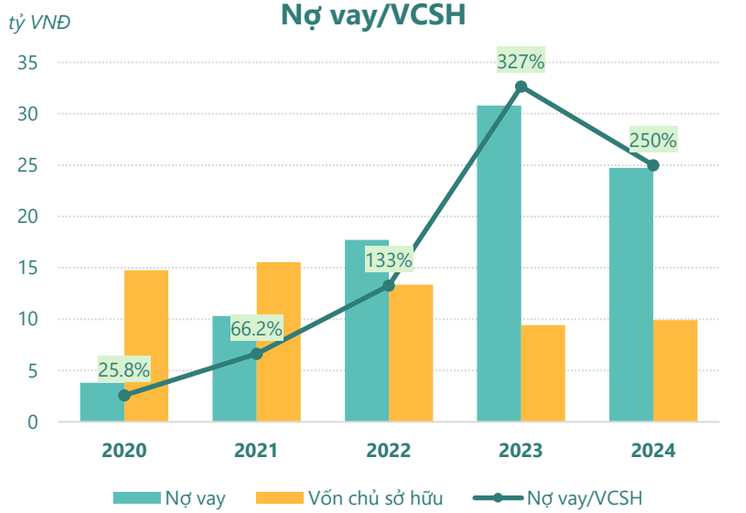
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

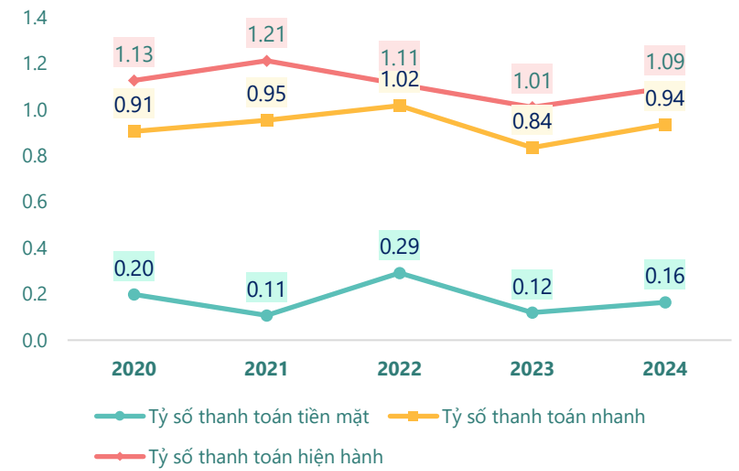
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



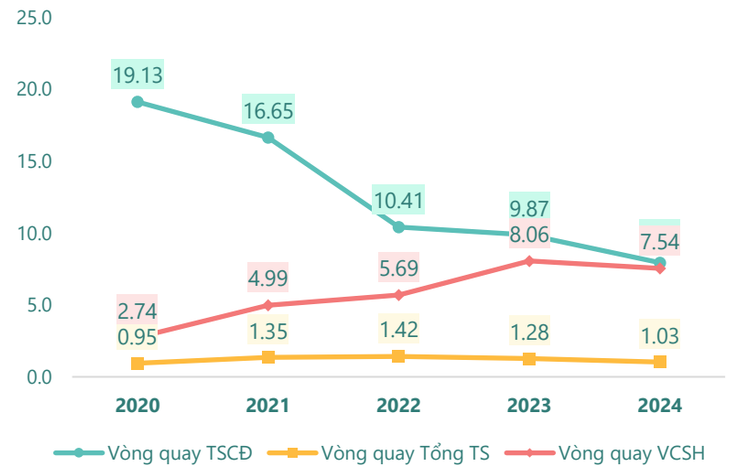
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



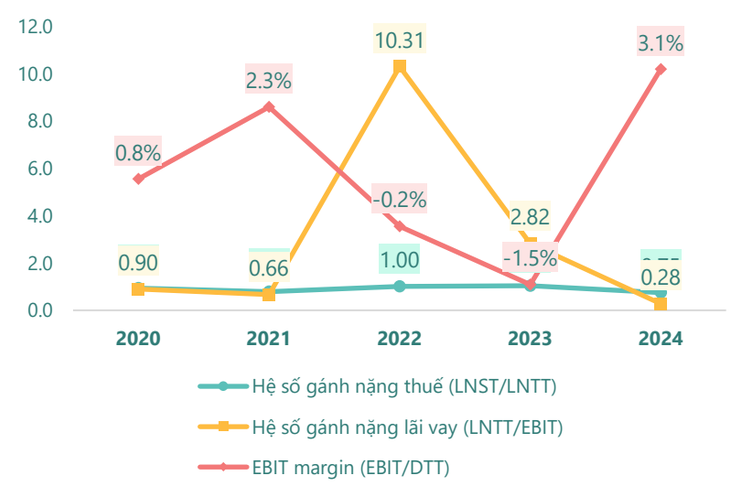
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



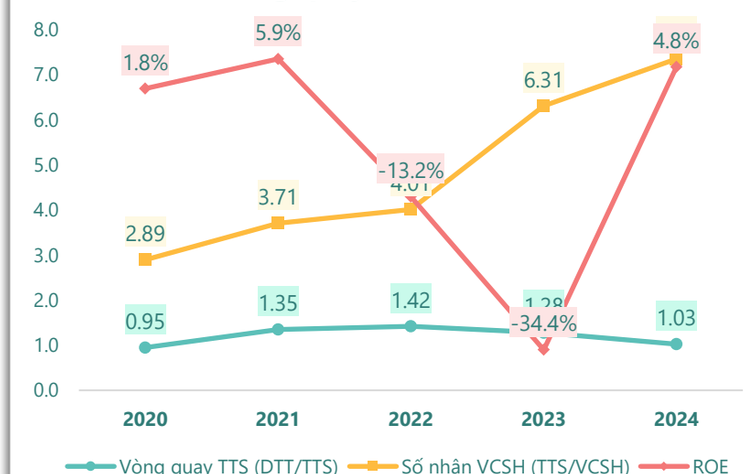
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



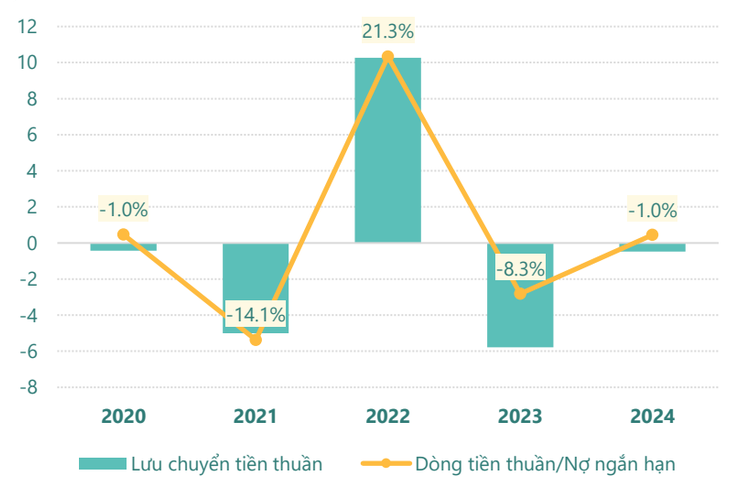
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**24.6**	**10.5**	**134%**	**45.7**	**46.5**	**-1.8%**
Giá vốn hàng bán	24.7	8.83	180%	44.1	40.6	8.8%
Lợi nhuận gộp	-0.06	1.67	-104%	1.52	5.94	-74.4%
Doanh thu HĐTC	0.02	0.02	19.4%	0.06	0.11	-41.0%
Chi phí TC	0.04	0.43	-90.6%	0.59	1.70	-65.1%
Chi phí lãi vay	0.42	0.31	34.7%	1.19	1.34	-11.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.94**	**1.19**	**-20.7%**	**2.17**	**3.95**	**-45.1%**
LN thuần từ HĐKD	-1.02	0.08	-1380%	-1.18	0.40	-395%
Lợi nhuận khác	**0.01**	**0.03**	**-68.3%**	**0.29**	**0.24**	**17.5%**
LN trước thuế	-1.01	0.11	-1022%	-0.89	0.64	-238%
Lợi nhuận sau thuế	**-1.01**	**0.11**	**-1022%**	**-0.93**	**0.64**	**-245%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-1.01**	**0.11**	**-1022%**	**-0.93**	**0.64**	**-245%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.40	-3.64	-0.43	-5.80	10.0	-3.99
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.40	0.26	0.04	0.02	0.02	0.02
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	5.23	0.91	2.20	3.04	-2.00	1.59
Tiền đầu kỳ	5.24	8.46	6.00	7.81	5.08	13.1
Lưu chuyển tiền thuần	**3.22**	**-2.46**	**1.81**	**-2.73**	**8.06**	**-2.37**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	8.46	6.00	7.81	5.08	13.1	10.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**59.0**	**61.8**	**-4.5%**
Tài sản ngắn hạn	50.1	52.1	-3.9%
Tiền và tương đương tiền	10.8	7.81	37.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.10	0.51	117%
Phải thu ngắn hạn	31.8	36.3	-12.2%
Hàng tồn kho	6.07	7.49	-19.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.35	0.08	366%
Tài sản dài hạn	**8.89**	**9.61**	**-7.5%**
Phải thu dài hạn	0.24	0.24	0.0%
Tài sản cố định	8.01	8.70	-8.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.64**	**0.66**	**-3.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	50.0	51.9	-3.6%
Nợ ngắn hạn	**46.7**	**47.7**	**-2.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	25.1	21.9	14.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	13.8	12.8	7.3%
Nợ dài hạn	3.31	4.18	-20.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.40	2.84	-15.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**9.01**	**9.90**	**-9.0%**
Vốn chủ sở hữu	**9.01**	**9.90**	**-9.0%**
Vốn điều lệ	10.3	10.3	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)